

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
MÃ SỐ THUẾ: 0310745210

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ 2 NĂM 2023

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

Đơn vị tính: VND


TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.051.751.474.167	946.201.382.552
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	29.468.378.512	46.786.231.481
1. Tiền	111		19.456.140.246	46.486.231.481
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.012.238.266	300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	663.386.733.055	601.735.939.109
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2.257.388.143	2.257.388.143
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		661.129.344.912	599.478.550.966
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		148.456.951.507	132.638.490.616
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	85.292.536.614	101.489.889.927
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	11.516.207.235	9.089.206.395
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	68.843.522.841	28.694.020.120
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(30.292.489.284)	(19.731.799.927)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	4.7	13.097.174.101	13.097.174.101
IV. Hàng tồn kho	140	4.8	206.262.099.125	157.682.730.690
1. Hàng tồn kho	141		208.388.412.843	159.809.044.408
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.126.313.718)	(2.126.313.718)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.177.311.968	7.357.990.656
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.9	332.868.832	240.877.506
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.731.354.542	1.901.939.058
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.16	1.113.088.594	5.215.174.092
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.797.084.616.710	1.740.256.895.031
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.324.402.996	4.252.284.535
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	4.324.402.996	4.252.284.535
II. Tài sản cố định	220		104.143.066.893	108.955.584.529
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.10	81.290.477.106	85.623.391.445
Nguyên giá	222		363.615.803.066	363.149.251.931
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(282.325.325.960)	(277.525.860.486)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.11	22.852.589.787	23.332.193.084
Nguyên giá	228		33.221.748.042	33.221.748.042
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.369.158.255)	(9.889.554.958)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		688.819.769.285	680.171.109.358
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.12	688.819.769.285	680.171.109.358
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	989.549.969.243	936.819.996.713
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		871.984.479.766	814.230.587.236
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		131.851.261.456	131.851.261.456
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(14.285.771.979)	(9.261.851.979)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.247.408.293	10.057.919.896
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.9	3.847.969.566	3.658.481.169
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.13	6.399.438.727	6.399.438.727
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 +200)	270		2.848.836.090.877	2.686.458.277.583

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		639.638.364.937	579.995.868.465
I. Nợ ngắn hạn	310		615.123.109.495	554.495.829.023
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.14	47.839.759.060	3.895.457.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.15	4.231.956.544	4.230.334.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.16	15.699.510.477	11.485.343.440
4. Phải trả người lao động	314		12.008.032.290	19.057.289.313
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.17	152.711.978.350	140.516.970.824
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	208.738.852	147.832.170
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.19	26.734.019.005	25.048.863.015
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.20	351.141.076.659	348.235.448.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.548.038.258	1.878.289.894
II. Nợ dài hạn	330		24.515.255.442	25.500.039.442
1. Phải trả dài hạn khác	337	4.19	13.426.010.000	13.406.010.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.20	4.813.735.300	4.813.735.300
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6.275.510.142	7.280.294.142
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.209.197.725.940	2.106.462.409.118
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.21	2.209.197.725.940	2.106.462.409.118
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		22.509.201	22.509.201
3. Cổ phiếu quỹ	415		(95.950.000)	(95.950.000)
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(28.944.791.387)	(28.944.791.387)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		25.652.683.264	25.652.683.264
6. Lợi nhuận chưa phân phối	421		860.602.159.449	753.380.608.771
LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		744.669.734.662	523.258.560.585
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		115.932.424.787	230.122.048.186
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		101.961.115.413	106.447.349.269
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.848.836.090.877	2.686.458.277.583

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023



Lê Cao Thùy Linh
Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng



Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 2 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý 2/2023	Quý 2/2022	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	213.174.362.278	265.280.841.825	383.280.244.677	557.397.370.792
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	6.077.728	3.835.000	28.598.323	13.230.535
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		213.168.284.550	265.277.006.825	383.251.646.354	557.384.140.257
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	179.834.043.208	225.865.257.834	324.629.116.862	489.694.215.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		33.334.241.342	39.411.748.991	58.622.529.492	67.689.924.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	17.403.044.709	12.079.935.557	30.565.549.198	31.700.673.402
7. Chi phí tài chính	22	5.5	6.427.137.595	1.694.342.044	8.139.790.937	3.380.456.987
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.260.341.083	1.209.923.341	2.740.695.810	2.480.916.676
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		56.260.360.615	45.215.248.147	95.400.714.086	84.682.408.551
9. Chi phí bán hàng	25	5.6	10.047.969.143	11.925.881.044	17.997.645.408	24.787.341.696
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	12.763.345.856	15.471.488.093	36.508.332.184	32.184.445.077
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		77.759.194.072	67.615.221.514	121.943.024.247	123.720.763.041
12. Thu nhập khác	31	5.8	145.211.928	390.263.421	307.793.121	733.676.786
13. Chi phí khác	32	5.9	1.120.808.444	190.677.672	1.142.748.080	212.616.609
14. Lợi nhuận khác	40		(975.596.516)	199.585.749	(834.954.959)	521.060.177
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.783.597.556	67.814.807.263	121.108.069.288	124.241.823.218
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	3.820.838.717	3.222.487.760	6.899.342.666	7.255.513.987
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.004.784.001)	-	(1.004.784.001)	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		73.967.542.840	64.592.319.503	115.213.510.623	116.986.309.231
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		70.599.996.038	61.676.861.497	115.932.424.787	115.511.233.094
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		3.367.546.802	2.915.458.006	(718.914.164)	1.475.076.137
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.21.4	565	424	928	855
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.21.5	565	424	928	855

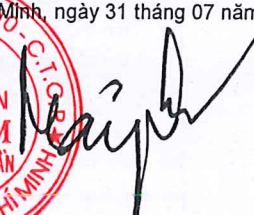
TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023



Lê Cao Thùy Linh
Người lập biểu



Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 2 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT


(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	121.108.069.288	124.241.823.218
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.279.068.771	3.053.653.683
Các khoản dự phòng	03	15.584.609.357	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(17.482.055)	(7.056.078)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(123.440.462.947)	(57.362.924.245)
Chi phí lãi vay	06	2.806.007.327	1.270.993.335
Các khoản điều chỉnh khác	07	29.241.888	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	21.349.051.629	71.196.489.913
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	14.334.419.170	(44.624.809.847)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(48.579.368.435)	(43.021.275.657)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	43.586.713.694	16.726.439.158
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(293.473.849)	127.166.697
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.901.330.646)	(1.326.643.995)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(96.409.790)	(4.266.965.456)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	448.700.598	14.613.002
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(10.167.990.739)	(3.712.322.470)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.680.311.632	(8.887.308.655)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(496.551.135)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(586.550.836.780)	(331.102.698.811)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	524.900.042.834	118.900.442.755
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24.327.458.327	15.549.220.208
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(37.819.886.754)	(196.653.035.848)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	248.480.285.500	199.403.482.116
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(245.574.656.841)	(177.327.154.172)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(94.369.500)	(53.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.811.259.159	22.023.047.944
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50	(17.328.315.963)	(183.517.296.559)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	46.786.231.481	1.374.512.519.956
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	10.462.994	7.056.078
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	29.468.378.512	1.191.002.279.475


Lê Cao Thùy Linh
Người lập biểu


Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023


Mai Xuân Phương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 08 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 3 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần gần đây nhất là ngày 08 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 1.250.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia/ Quốc tịch	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
		Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Việt Nam	792.280.000.000	63,38%	792.280.000.000	63,38%
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	Việt Nam	-	0,00%	167.500.000.000	13,40%
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hướng Công Viên	Việt Nam	175.260.000.000	14,02%	249.560.000.000	19,96%
Các cổ đông khác		282.364.050.000	22,59%	40.564.050.000,00	3,25%
Cổ phiếu quỹ		95.950.000	0,01%	95.950.000	0,01%
Cộng		1.250.000.000.000	100%	1.250.000.000.000	100%

- Nhà đầu tư theo danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2023.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 74 người. (31 tháng 12 năm 2022 là 76 người).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Sản xuất giống thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở);
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiều loại động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Dạy nghề;
- Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất**Các công ty con trực tiếp:**

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội	59,34%	59,34%
2.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau	50,83%	50,83%
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí Đóng tàu Thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng	62,37%	62,37%

1.6. Các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, Phường Thọ Quang, Quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.	36,40%	36,40%
2	Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	27,75%	27,75%
3	Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh.	27,08%	27,08%
4	Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	26,46%	26,46%
5	Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, Phường 14, Quận 11, TP. HCM	22,59%	22,59%
6	Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Tỉnh Đồng Nai.	22,08%	22,08%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

1.7. Các công ty liên kết không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Trần Nãi, phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. HCM	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM	47,90%	47,90%
3	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam	Số 9 đường Phạm Văn Đồng, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội	21,40%	21,40%

Nguyên nhân không hợp nhất quyền lợi là do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã hết thời hạn hợp đồng liên doanh và giấy phép đầu tư từ năm 2006 và các Công ty khác Tổng công ty không nhận được BCTC quý 2/2023.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên Tổng công ty hoạt động với mô hình Công ty Cổ phần bắt đầu ngày 17/04/2015 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tổng Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.3. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên doanh khi Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư.

Các khoản phân phối từ công ty liên doanh sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính. Theo đó, Tổng Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư khác

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.4. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	03 – 13 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10 năm

3.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất của Tổng công ty gồm giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 và các lô đất khác thuộc CTCP XNK Thủy sản Hà Nội và CTCP XNK Thủy sản Năm Căn.

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 32,5 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

3.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.11. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.12. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu phù hợp với thời gian thuê tài sản.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại khoản đầu tư vào các công ty con phát sinh trong quá trình đánh giá lại tài sản phục vụ cổ phần hóa Tổng Công ty.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí thanh lý.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3.16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

3.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

3.18. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

3.19. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình, bao gồm chi phí nhân viên quản lý, chi phí mua công cụ, dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, các chi phí khác...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.20. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn được miễn thuế TNDN cho thu nhập từ hoạt động xuất khẩu thủy sản theo khoản 1, điều 4 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2003 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015.

Các thu nhập khác của Tổng Công ty chịu thuế suất thuế TNDN là 20%.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	2.448.924.325	2.245.782.063
Tiền gửi ngân hàng	17.007.215.921	44.240.449.418
Các khoản tương đương tiền	10.012.238.266	300.000.000
Cộng	29.468.378.512	46.786.231.481

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2 Các khoản đầu tư tài chính:**

Chúng khoán kinh doanh được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	308.781	2.257.388.143	-	308.781	2.257.388.143	-
		2.257.388.143	-		2.257.388.143	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - PGD Thuận An (Eximbank Lái Thiêu cũ) (*)	346.782.148.384	346.782.148.384	198.710.000.000	198.710.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Sài Gòn	242.010.509.589	242.010.509.589	247.590.000.000	247.590.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - PGD Hoàng Minh Giám	-	-	45.975.000.000	45.975.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Hàm Nghi	1.550.000.000	1.550.000.000	67.380.000.000	67.380.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Sài Gòn	1.500.000.000	1.500.000.000	1.800.000.000	1.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) - CN Hải Phòng	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Hải Phòng	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hồng Bàng	1.500.000.000	1.500.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Liên Việt	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Á	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	13.500.000.000	13.500.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thành Công	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Nam Thăng Long	9.286.686.939	9.286.686.939	9.023.550.966	9.023.550.966
- Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - CN Ba Đình	15.000.000.000	15.000.000.000	-	-
- Ngân hàng BIDV - CN SGD 1	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Cộng	661.129.344.912	661.129.344.912	599.478.550.966	599.478.550.966

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Ngày 11/5/2023, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – PGD Lái Thiêu (Eximbank Lái Thiêu) gửi Thông báo số 72/CV/2023/EIB-LT về việc phong tỏa các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Tổng công ty căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 08/5/2023 của Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga - Cục Thi hành án Dân sự TP. Hà Nội với số tiền là 206.235.365.684 đồng;

Ngày 17/5/2023, Eximbank Lái Thiêu tiếp tục gửi Thông báo số 78/CV/2023/EIB-LT về việc phong tỏa các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Tổng công ty căn cứ Quyết định số 16/QĐ-CTHADS ngày 11/5/2023 và Quyết định số 17/QĐ-CTHADS ngày 15/5/2023 của Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga với số tiền là 57.904.612.837 đồng.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất thức ăn gia súc Proconco (*)	546.897.499.662	731.710.319.595	546.897.499.662	657.150.537.529
Công ty Cổ phần Thủy sản số 4	39.992.400.000	-	39.992.400.000	15.009.603.965
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	36.071.360.000	39.521.807.032	36.071.360.000	40.983.795.895
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	10.918.845.000	44.968.867.407	10.918.845.000	44.810.518.270
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	9.362.396.255	9.685.554.107	9.362.396.255	9.977.350.589
Công ty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	7.055.024.691	7.048.839.510	7.055.024.691	7.195.236.801
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	4.867.500.000	-	4.867.500.000	-
Công ty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	2.822.244.376	2.034.353.386	2.822.244.376	2.033.176.159
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga (**)	4.994.824.935	4.994.824.935	4.994.824.935	4.994.824.935
Cty CP Kỹ thuật công trình VN	13.144.848.945	32.019.913.794	13.144.848.945	32.075.543.093
Cộng	676.126.943.864	871.984.479.766	676.126.943.864	814.230.587.236

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Searefico	53.249.400.000	(10.774.440.000)	53.249.400.000	(5.750.520.000)
Công ty CP Thủy sản Minh Hải	26.220.102.358	-	26.220.102.358	-
Công ty CP Thủy đặc sản	23.144.531.354	-	23.144.531.354	-
Cty CP Nông nghiệp Hùng Hậu	22.522.500.000	-	22.522.500.000	-
CTCP Đầu tư KD Phát triển nhà	2.000.000.000	(2.000.000.000)	2.000.000.000	(2.000.000.000)
Cty CP Thiết bị hàng hải Mecom	1.307.080.395	-	1.307.080.395	-
Công ty CP KD XNK Thủy sản	1.254.969.616	-	1.254.969.616	-
Công ty CP Vật tư Thủy sản VN	995.940.542	(741.937.420)	995.940.542	(741.937.420)
CTCP Sản xuất TMDV Phú Mỹ	553.333.272	(248.146.620)	553.333.272	(248.146.620)
Công ty CP Biển Tây	455.000.000	(455.000.000)	455.000.000	(455.000.000)
Công ty CP Bao bì Thủy sản	148.403.919	(66.247.939)	148.403.919	(66.247.939)
Cộng	131.851.261.456	(14.285.771.979)	131.851.261.456	(9.261.851.979)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Tổng Công ty đã dùng 22.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79.

(**) Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã ngừng hoạt động, đang làm các thủ tục để giải thể Công ty theo quy định. Sau khi nhận tiền hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng từ Ủy Ban Nhân dân Quận 2, Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga đã tạm chuyển trả số tiền tương ứng phần vốn góp của Tổng công ty là 4.994.824.935 đồng. Tuy nhiên, cho đến hiện tại, do Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga chưa hoàn tất việc giải thể, nên Tổng Công ty chưa xử lý bù trừ khoản đầu tư này với phần tiền đã nhận từ Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga.

Theo Giấy chứng nhận phần vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May số 01/GCN-CMC ngày 20 tháng 3 năm 2015 thì Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH MTV (nay là Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty Cổ phần) đã góp đủ giá trị phần vốn góp (theo vốn điều lệ) là 15.000.000.000 VND dưới hình thức giá trị công trình trên đất, tiền hỗ trợ di dời và giá trị lợi thế về khai thác, quản lý sử dụng khu đất tại chân cầu Cỏ May.

Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản đầu tư trên do các vướng mắc pháp lý gặp phải trong quá trình triển khai Dự án Cỏ May của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May.

Ngày 26/12/2022, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đã gửi công văn số 135/2022/CV-NKH tới Tổng Công ty với đề nghị dừng việc thực hiện Dự án Cỏ May và thanh lý Hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015 vì lý do bất khả kháng (chính sách pháp luật thay đổi), đồng thời tiến hành giải thể liên doanh – Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Cỏ May theo quy định. Ngày 05/01/2023, Tổng Công ty đã có công văn trả lời gửi tới Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim đề nghị sau khi xin chỉ đạo từ Hội đồng Quản trị Tổng Công ty sẽ có phản hồi về hướng xử lý thích hợp đối với hợp đồng hợp tác đầu tư số 30/2015/HĐKT-TSVN-NK ngày 05/3/2015.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ và TM Gia Long	4.561.657.755	10.041.189.131
DKSH	6.019.845.781	-
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	7.914.224.000	8.514.224.000
Concept Cool Vertriebsgesellschaft MBH	14.660.202.500	1.403.429.500
Công ty TNHH Thương mại Hà Đô	13.200.000.000	13.600.000.000
Công ty TNHH BOO	-	10.741.159.939
Cty TNHH Thép Bắc Sơn	7.400.000.000	18.204.801.844
Các đối tượng khác	31.349.825.112	38.985.085.513
<i>Phải thu khách hàng là các bên có liên quan</i> <i>- Xem thêm mục 6</i>		
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	186.781.466	-
Cộng	85.292.536.614	101.489.889.927

4.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	610.830.342
Cty TNHH Đà Lạt Caviar	1.116.000.000	1.200.000.000
Công ty CP TM Cầu Vòng Đỏ	4.500.000.000	-
Công ty CP Thực phẩm và đồ uống TTC	3.000.000.000	5.000.000.000
Các đối tượng khác	2.289.376.893	2.278.376.053
Cộng	11.516.207.235	9.089.206.395

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.5 Phải thu khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
DNTN TM Tân Vạn Phát	1.521.188.795	(1.521.188.795)	1.521.188.795	(1.521.188.795)
Phải thu cổ tức	38.539.104.800	-	1.616.371.800	-
Lãi dự thu	16.370.689.849	-	11.031.433.106	-
Ký cược, ký quỹ	31.067.416	-	31.067.416	-
Tạm ứng	1.022.228.678	-	110.038.820	-
Công ty TNHH SX và TM Năm Vàng	525.747.790	(525.747.790)	525.747.790	(525.747.790)
Thoái vốn NN tại TCT Thủy sản VN	673.118.076	-	673.118.076	-
Cty TNHH MTV Tài Tâm Long Biên	9.558.261.281	-	10.308.465.041	-
BHXX, BHYT, BHTN	227.092.696	-	117.550.543	-
Phải thu khác	2.914.240.460	(343.294.620)	2.759.038.733	(343.294.620)
Cộng	68.843.522.841	(2.390.231.205)	28.694.020.120	(2.390.231.205)

b) Phải thu khác - Dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	4.324.402.996	(23.141.800)	4.252.284.535	(23.141.800)
Cộng	4.324.402.996	(23.141.800)	4.252.284.535	(23.141.800)

4.6 Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu ngắn hạn quá hạn thanh toán	50.219.848.939	19.927.359.655	19.940.992.827	209.192.900
Cộng	50.219.848.939	19.927.359.655	19.940.992.827	209.192.900

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
CTCP DV tổng hợp Bình Minh	150.000.000	-	Trên 3 năm	150.000.000	-	Trên 3 năm
Cty TNHH SX và TM Năm Vàng	525.747.790	-	Trên 3 năm	525.747.790	-	Trên 3 năm
Ông Phan Văn Trí	343.294.620	-	Trên 3 năm	343.294.620	-	Trên 3 năm
DNTN TM Tân Vạn Phát	1.804.967.392	-	Trên 3 năm	1.844.420.731	-	Trên 3 năm
Cty TNHH TM Hải Hòa Phát	610.830.342	-	Trên 3 năm	610.830.342	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TM Tân Tiến	13.097.174.101	-	Trên 3 năm	13.097.174.101	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH TMDV Bắc Việt Chung	869.038.977	-	Trên 3 năm	869.038.977	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Đóng tàu Bạch Đằng	521.730.857	-	Trên 3 năm	521.730.857	-	Trên 3 năm
Anh Khôi - Bình Điền	-	-	Dưới 1 năm	281.310.000	196.917.000	Dưới 1 năm
Anh Trường - Bình Triệu	-	-	Dưới 1 năm	17.537.000	12.275.900	Dưới 1 năm
Công ty TNHH Thanh Bình Gold	7.914.224.000	5.419.956.800	Trên 6 tháng	-	-	-
Cty TNHH Phát triển Công nghệ và TM Gia Long	4.561.657.755	2.284.343.930	Trên 6 tháng	-	-	-
Cty TNHH Phát triển Công nghệ VHS Quốc tế	5.922.470.696	3.669.896.125	Trên 6 tháng	-	-	-
Công ty TNHH TM Hà Đô	12.200.000.000	8.540.000.000	Trên 6 tháng	-	-	-
Các khách hàng khác	1.698.712.409	13.162.800	Trên 3 năm	1.679.908.409	-	Trên 3 năm
Cộng	50.219.848.939	19.927.359.655		19.940.992.827	209.192.900	

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng tồn kho	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101
Cộng	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101	13.097.174.101

Là giá trị lô thép bị chiếm dụng. Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH Thương mại Tân Tiến theo hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HDGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Công ty mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Thái Sơn theo hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 6 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến nay vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Tổng Công ty đã trích lập toàn bộ dự phòng tổn thất cho lô thép này.

4.8 Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2023		Tại ngày 01/01/2023	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	498.162.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.339.127.105	-	2.924.436.965	-
Công cụ, dụng cụ	2.347.439.133	-	2.005.272.304	-
Chi phí SX, KD dở dang	4.902.997.738	-	5.349.502.507	-
Thành phẩm	158.471.930.945	(2.126.313.718)	124.977.964.770	(2.126.313.718)
Hàng hóa	19.032.552.010	-	24.053.705.862	-
Hàng gửi đi bán	21.294.365.912	-	-	-
Cộng	208.388.412.843	(2.126.313.718)	159.809.044.408	(2.126.313.718)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/06/2023 là 0 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm 30/06/2023 là 0 VND.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**QUÝ 2 NĂM 2023****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.9 Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	12.788.845	35.113.912
Thuê nhà kho, mặt hồ	12.638.886	145.138.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	307.441.101	60.624.706
Cộng	332.868.832	240.877.506
	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	234.466.919	356.364.096
Chi phí sửa chữa	2.610.142.506	2.225.461.960
Tiền thuê đất trả 1 lần	172.002.918	309.605.232
Chi phí san lấp mặt bằng	411.524.118	423.518.244
Chi phí trả trước dài hạn khác	419.833.105	343.531.637
Cộng	3.847.969.566	3.658.481.169

4.10 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	217.933.347.850	127.173.506.230	16.891.356.258	1.151.041.593	363.149.251.931
Tăng trong kỳ	373.551.135	93.000.000	-	-	466.551.135
Tại ngày 30/06/2023	218.306.898.985	127.266.506.230	16.891.356.258	1.151.041.593	363.615.803.066
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	169.211.107.545	93.289.763.051	14.037.759.589	987.230.301	277.525.860.486
Khấu hao trong kỳ	2.098.578.697	2.226.923.543	440.707.172	33.256.062	4.799.465.474
Tại ngày 30/06/2023	171.309.686.242	95.516.686.594	14.478.466.761	1.020.486.363	282.325.325.960
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	48.722.240.305	33.883.743.179	2.853.596.669	163.811.292	85.623.391.445
Tại ngày 30/06/2023	46.997.212.743	31.749.819.636	2.412.889.497	130.555.230	81.290.477.106

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay :

26.930.264.722 đ

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

194.329.897.038 đ

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	31.858.687.161	1.363.060.881	33.221.748.042
Tại ngày 30/06/2023	31.858.687.161	1.363.060.881	33.221.748.042
Khấu hao:			
Tại ngày 01/01/2023	8.560.089.558	1.329.465.400	9.889.554.958
Khấu hao trong kỳ	446.007.816	33.595.481	479.603.297
Tại ngày 30/06/2023	9.006.097.374	1.363.060.881	10.369.158.255
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	23.298.597.603	33.595.481	23.332.193.084
Tại ngày 30/06/2023	22.852.589.787	-	22.852.589.787

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất, bao gồm:

• Quyền sử dụng đất tại Lô C2 KCN Sóng Thần 2 với nguyên giá đánh giá lại khi cổ phần hóa là 25.532.342.472 đồng và Tổng Công ty đang thực hiện trích khấu hao Quyền sử dụng đất này trong 32,5 năm (bắt đầu từ 17/04/2015 đến 16/10/2047).

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay là 3.122.641.885 đồng.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.548.404.117 đồng.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Mua quyền sử dụng đất		
- Quyền sử dụng đất tại số 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1	688.159.778.708	679.511.118.781
- Khách sạn Blue Sapphire Vũng Tàu	229.453.856	229.453.856
- Dự án số 02 Ngõ Gia Tự Hà Nội	109.694.182	109.694.182
- Hệ xe triển 6500 tấn Vật Cách	265.842.539	265.842.539
- Chi phí giải phóng mặt bằng để xây dựng kho	55.000.000	55.000.000
Cộng	688.819.769.285	680.171.109.358

4.13 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	6.399.438.727	6.399.438.727
Cộng	6.399.438.727	6.399.438.727

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:				
Cty TNHH Thủy sản Kim Việt	9.633.214.032	9.633.214.032	-	-
Cty TNHH Thủy sản Thảo Vy	28.025.872.337	28.025.872.337	248.966.670	248.966.670
Các đối tượng khác	10.180.672.691	10.180.672.691	3.646.491.053	3.646.491.053
Cộng	47.839.759.060	47.839.759.060	3.895.457.723	3.895.457.723

4.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Công ty TNHH TM và Công nghệ Thái Sơn	4.199.967.000	4.199.967.000
Các đối tượng khác	31.989.544	30.367.644
Cộng	4.231.956.544	4.230.334.644

4.16 Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 30/06/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	668.363.017	2.628.952.334	1.943.936.857	-	1.353.378.494
Thuế TNDN	4.622.590.726	46.810.459	6.928.584.554	96.409.790	161.452.550	2.417.847.047
Thuế TNCN	541.985.173	45.006.617	2.488.136.898	1.743.496.208	100.897.234	395.848.673
Thuế tài nguyên	-	3.943.600	33.495.200	30.806.800	-	6.632.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	50.468.000	10.720.219.747	10.255.805.709	10.250.361.810	850.608.617	11.525.804.263
Thuế khác	130.193	1.000.000	96.788.213	97.788.213	130.193	-
Cộng	5.215.174.092	11.485.343.440	22.561.090.204	14.292.126.974	1.113.088.594	15.699.510.477

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Tiền thuê đất	32.652.288.848	32.049.534.978
Chi phí lãi vay phải trả	114.600.028.155	106.046.691.547
Chi phí tư vấn và hoa hồng	800.820.633	170.845.477
Chi phí dự án tôm sinh thái	4.257.931.355	1.590.366.946
Các khoản chi khác	400.909.359	659.531.876
Cộng	152.711.978.350	140.516.970.824

4.18 Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Tiền nhận trước về cho thuê mặt bằng	208.738.852	147.832.170
Cộng	208.738.852	147.832.170

4.19 Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Kinh phí công đoàn	171.624.636	107.051.844
Các khoản bảo hiểm	484.360.445	368.592.882
Phải trả về cổ phần hóa	167.676.467	167.676.467
Cổ tức phải trả	2.886.162.430	524.648.930
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	3.870.768.571	3.870.768.571
Công ty TNHH TM Hà Đô - Tiền cọc	-	1.000.000.000
Công ty TNHH Thép Bắc Sơn - Tiền cọc	-	1.000.000.000
Công ty TNHH BOO - Tiền cọc	-	841.586.306
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.814.695.000	6.359.770.000
Công ty TNHH Vạn Lợi - tiền nước	289.021.634	289.021.634
Ngô Quang Huy (tiền thi hành án)	1.776.021.500	1.776.021.500
Phải trả ngắn hạn khác	6.278.863.387	3.748.899.946
Phải trả khác ngắn hạn là các bên liên quan	4.994.824.935	4.994.824.935
Cộng	26.734.019.005	25.048.863.015
Dài hạn:		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.426.010.000	13.406.010.000
Cộng	13.426.010.000	13.406.010.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.20 Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn:	351.141.076.659	351.141.076.659	248.480.285.500	245.574.656.841	348.235.448.000	348.235.448.000
Công ty CP Xây dựng Bắc Nam 79 (i)	248.911.942.659	248.911.942.659	-	1.088.057.341	250.000.000.000	250.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	99.629.134.000	99.629.134.000	246.480.285.500	239.886.599.500	93.035.448.000	93.035.448.000
Ngân hàng Viettin- Chi nhánh Cà Mau	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả:</i>	2.600.000.000	2.600.000.000	-	2.600.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	2.600.000.000	2.600.000.000	-	2.600.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Vay dài hạn:	4.813.735.300	4.813.735.300	-	-	4.813.735.300	4.813.735.300
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	4.813.735.300	4.813.735.300	-	-	4.813.735.300	4.813.735.300
Cộng	355.954.811.959	355.954.811.959	248.480.285.500	245.574.656.841	353.049.183.300	353.049.183.300

(i) Khoản vay Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để nộp tiền sử dụng đất của khu đất số 2-4-6 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 7%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng 22.000.000 cổ phần của Tổng công ty có tại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019, Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội ra Quyết định có nội dung liên quan đến quyền và lợi ích của Tổng Công ty như sau: “Buộc Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam nộp số tiền 250.000.000.000 VND (tiền gốc) và 18.403.423.025 VND (tiền lãi) đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 cho Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ trong vụ án này và các giao dịch khác có liên quan”.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội ra Quyết định thi hành án chủ động số 910/QĐ-CTHADS yêu cầu Tổng Công ty thi hành bản án trên. Ngày 06/02/2023, Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga - Cục THADS TP.Hà Nội ra quyết định số 21/QĐ-CTHADS (QĐ 21) về việc khấu trừ tiền trong tài khoản của Tổng Công ty để thi hành án với số tiền là 3.754.254.000 VND và 182 USD từ tài khoản trong Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB); ngày 10/02/2023, VCB đã trích 1.083.797.631 VND và 182 USD từ tài khoản của Tổng Công ty để chuyển vào tài khoản của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hà Nội theo như thông báo ngày 13/02/2023.

Tổng Công ty đã gửi Công văn số 51/TSVN-TCKT cho Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 thông báo trừ vào nợ gốc khoản vay theo QĐ 21, tuy nhiên Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 có văn bản phản hồi không đồng ý. Ngày 01/3/2023, Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 đã gửi Đơn kiến nghị khẩn cấp tới các Cơ quan chức năng về việc hủy bỏ quyết định buộc Tổng Công ty nộp số tiền gốc, lãi đã vay của Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Nam 79 để đảm bảo cho việc thi hành án đối với nghĩa vụ của pháp nhân, trách nhiệm của bị cáo Phan Văn Anh Vũ tại bản án phúc thẩm số 346/2019/HS-PT ngày 13/6/2019.

Cho đến hiện nay, Tổng Công ty tạm thời chưa nộp tiền theo Quyết định 910 và đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến Quyết định này.

Tuy nhiên, ngày 11/5/2023, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – PGD Lái Thiêu (Eximbank Lái Thiêu) gửi Thông báo số 72/CV/2023/EIB-LT về việc phong tỏa các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Tổng công ty căn cứ Quyết định số 14/QĐ-CTHADS ngày 08/5/2023 của Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga - Cục Thi hành án Dân sự TP. Hà Nội với số tiền là 206.235.365.684 đồng; Và ngày 17/5/2023, Eximbank Lái Thiêu tiếp tục gửi Thông báo số 78/CV/2023/EIB-LT về việc phong tỏa các tài khoản tiền gửi tiết kiệm của Tổng công ty căn cứ Quyết định số 16/QĐ-CTHADS ngày 11/5/2023 và Quyết định số 17/QĐ-CTHADS ngày 15/5/2023 của Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga với số tiền là 57.904.612.837 đồng.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.21 Vốn chủ sở hữu****4.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu							Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích có đồng không kiểm soát VND	
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	1.726.757.364.409	105.055.321.178	3.078.447.136.665
Lãi năm trước	-	-	-	-	-	230.122.048.186	3.467.230.248	233.589.278.434
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(1.187.409.750.000)	(1.964.706.400)	(1.189.374.456.400)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.630.862.447)	(110.495.757)	(5.741.358.204)
Ảnh hưởng năm trước do điều chỉnh lợi nhuận công ty liên kết	-	-	-	-	-	(11.563.068.560)	-	(11.563.068.560)
Ảnh hưởng năm trước	-	-	-	-	-	1.104.877.183	-	1.104.877.183
Số dư tại ngày 31/12/2022	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	753.380.608.771	106.447.349.269	2.106.462.409.118
Số dư tại ngày 01/01/2023	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	753.380.608.771	106.447.349.269	2.106.462.409.118
Lãi năm nay	-	-	-	-	-	115.932.424.787	(718.914.164)	115.213.510.623
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.455.883.000)	(2.455.883.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(8.626.002.922)	(1.311.436.692)	(9.937.439.614)
Ảnh hưởng năm trước do điều chỉnh lợi nhuận công ty liên kết	-	-	-	-	-	(55.629.299)	-	(55.629.299)
Ảnh hưởng năm trước khác	-	-	-	-	-	(29.241.888)	-	(29.241.888)
Tại ngày 30/06/2023	1.250.000.000.000	22.509.201	(95.950.000)	(28.944.791.387)	25.652.683.264	860.602.159.449	101.961.115.413	2.209.197.725.940

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.21.2. Chi tiết vốn của chủ sở hữu.**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	792.280.000.000	792.280.000.000
Công ty TNHH Bất động sản Anh Tú	-	167.500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hướng Công Viên	175.260.000.000	175.260.000.000
Các cổ đông khác	282.364.050.000	114.864.050.000
Cổ phiếu quỹ	95.950.000	95.950.000
Cộng	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000

4.21.3. Vốn cổ phần

Chi tiết vốn cổ phần của Tổng Công ty tại thời điểm cuối kỳ kế toán như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2023 VND Cổ phiếu
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	125.000.000	125.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	125.000.000	125.000.000
- Cổ phần phổ thông	125.000.000	125.000.000
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần được mua lại (cổ phiếu quỹ)	9.500	9.500
- Cổ phần phổ thông	9.500	9.500
- Cổ phần ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	124.990.500	124.990.500
- Cổ phần phổ thông	124.990.500	124.990.500
- Cổ phần ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND

4.21.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông của Tổng Công ty dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phần năm nay chưa được trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	115.932.424.787	115.511.233.094
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế:	-	(8.626.002.922)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	8.626.002.922
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phần phổ thông	115.932.424.787	106.885.230.172
Số lượng cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	124.990.500	124.990.500
Lãi cơ bản trên cổ phần	928	855

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngoại tệ các loại:		
- USD	240.008,80	400.642,00

Nợ khó đòi đã xử lý:	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
CTCP XNK Thủy sản Tân Việt	47.914.627	47.914.627
Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận	41.000.000	41.000.000
Nộp thuế XNK 2 lần tại Hải quan TP.HCM	6.231.565	6.231.565
Cty TNHH CBKD Hải sản Dương Hà	187.452.000	187.452.000
	282.598.192	282.598.192

	ĐVT	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:			
Tôm đồ Argentina nhập khẩu còn vỏ đông lạnh	Kg	13.535,00	110.508,00
Tôm đồ Argentina nhập khẩu còn vỏ bỏ đầu đông lạnh cỡ C2	Kg	65.652,00	-
Tôm nước lạnh nguyên con đông lạnh (Ama)	Kg	48.925,00	44.287,00
Tôm thủy tinh Nhật bản NCĐL	Kg	30,00	30,00
Tôm Hùm Đông lạnh	Kg	4,54	-
Cá Trích NCĐL cỡ 50-70gr/con	Kg	40.000,00	-
Tôm NCĐL cỡ 15-20Gr/con	Kg	-	2.988,00
Cá Nhồng đồ	Kg	60,00	60,00
Màng co (kg)	Kg	2.882,28	5.660,80
Tem dán túi	Chiếc	84.090,00	84.090,00
Tem dán túi thực phẩm bằng giấy đã in	Chiếc	32.988,00	32.988,00
Túi hấp thụ ô xy (kg)	Kg	122,90	122,90
Tấm lót thấm nước	Kg	479,40	-
Túi hút chân không PA (kg)	Kg	887,60	887,60
Khay thực phẩm bằng Plastic	Kg	15.777,00	15.777,00
Nhũ	Kg	414,62	-
Chất EAC để pha nhũ	Kg	945,38	-
Chất Methanol để pha nhũ	Kg	1.486,08	-
Phẩm màu	Kg	655,77	-
Keo	Kg	1.273,72	-
Dây buộc kiện	Kg	1.199,36	-
Giấy mác	Kg	0,83	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng hóa	14.923.945.365	89.088.006.373	43.824.063.332	173.481.790.844
Doanh thu bán thành phẩm	176.180.864.142	150.207.195.265	292.482.022.474	333.243.592.758
Doanh thu cung cấp dịch vụ	22.069.552.771	25.985.640.187	46.974.158.871	50.671.987.190
Cộng	213.174.362.278	265.280.841.825	383.280.244.677	557.397.370.792

5.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Chiết khấu thương mại	6.077.728	3.835.000	28.598.323	13.230.535
Cộng	6.077.728	3.835.000	28.598.323	13.230.535

5.3 Giá vốn hàng bán

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	13.621.936.568	85.185.709.413	40.750.711.970	166.022.917.872
Giá vốn của thành phẩm đã bán	154.402.919.843	129.404.543.767	259.303.342.200	301.450.290.301
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.809.186.797	11.275.004.654	24.575.062.692	22.221.007.236
Cộng	179.834.043.208	225.865.257.834	324.629.116.862	489.694.215.409

5.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Lãi tiền gửi	14.871.808.784	9.336.666.188	26.951.012.210	27.208.360.982
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.620.870	53.692.008	87.106.851	77.761.055
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.001.629.800	1.260.000.000	1.001.629.800	1.260.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	1.483.966.194	1.349.682.898	2.518.781.276	3.074.656.902
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ	7.019.061	20.592.545	7.019.061	20.592.545
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	59.301.918	-	59.301.918
Cộng	17.403.044.709	12.079.935.557	30.565.549.198	31.700.673.402

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.5 Chi phí tài chính**

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	1.325.652.600	1.209.923.341	2.806.007.327	2.480.916.676
Lỗi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	77.564.995	484.418.703	309.863.610	756.813.038
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	5.023.920.000	-	5.023.920.000	-
Chi phí tài chính khác	-	-	-	142.727.273
Cộng	6.427.137.595	1.694.342.044	8.139.790.937	3.380.456.987

5.6 Chi phí bán hàng

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	2.820.088.216	3.274.172.320	5.645.424.909	6.026.358.797
Chi phí vật liệu, bao bì	44.614.266	57.746.667	85.971.320	106.203.995
Chi phí công cụ, đồ dùng	45.279.529	26.605.125	69.868.166	45.592.018
Chi phí khấu hao TSCĐ	147.044.082	147.564.915	298.775.664	295.129.830
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.357.611.959	6.665.279.571	8.122.655.803	14.494.802.317
Chi phí bằng tiền khác	2.633.331.091	1.754.512.446	3.774.949.546	3.819.254.739
Cộng	10.047.969.143	11.925.881.044	17.997.645.408	24.787.341.696

5.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kế năm 2023 VND	Lũy kế năm 2022 VND
Chi phí nhân viên	2.688.953.717	4.087.460.933	9.504.476.796	11.532.205.682
Chi phí vật liệu quản lý	832.107.596	873.836.805	1.921.904.450	1.683.175.313
Chi phí đồ dùng văn phòng	245.977.151	225.516.909	400.440.819	418.696.787
Chi phí khấu hao TSCĐ	458.116.586	488.858.928	932.889.371	983.986.275
Thuế, phí và lệ phí	976.006.185	6.387.737.610	5.646.415.959	10.876.639.207
Dự phòng phải thu khó đòi	3.556.210.895	530.593.262	10.560.689.357	530.593.262
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.076.685.340	1.555.940.548	3.460.676.120	2.826.382.158
Chi phí bằng tiền khác	1.929.288.386	1.321.543.098	4.080.839.312	3.332.766.393
Cộng	12.763.345.856	15.471.488.093	36.508.332.184	32.184.445.077

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.8 Thu nhập khác**

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kê năm 2023 VND	Lũy kê năm 2022 VND
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	-	66.039.807	3.229.326	73.331.237
Thu nhập khác	145.211.928	324.223.614	304.563.795	660.345.549
Cộng	145.211.928	390.263.421	307.793.121	733.676.786

5.9 Chi phí khác

	Quý 2/2023 VND	Quý 2/2022 VND	Lũy kê năm 2023 VND	Lũy kê năm 2022 VND
Các khoản thuế bị truy thu, bị phạt	1.097.951.829	168.735.555	1.097.951.829	168.735.555
Chi phí khác	22.856.615	21.942.117	44.796.251	43.881.054
Cộng	1.120.808.444	190.677.672	1.142.748.080	212.616.609

5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của CTCP XNK Thủy sản Năm Căn	137.037.038	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Tổng công ty Thủy sản VN	6.762.305.628	7.255.513.987
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.899.342.666	7.255.513.987

b) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(1.004.784.001)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(1.004.784.001)	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	Công ty mẹ
Công ty CP Việt Pháp Sản xuất Thức ăn gia súc Proconco	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty CP Đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty CP DV Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty CP Công nghiệp Thủy sản	Công ty liên kết
Công ty CP Đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty CP Kỹ thuật Công trình Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư bất động sản Hương công viên	Cổ đông lớn
Các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này	Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Tổng Công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2023</u>	<u>Tại ngày 01/01/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu:		
Công ty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	6.600.000	6.600.000
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	277.200.000	207.900.000
Công ty Cổ phần Proconco	34.945.058.000	-
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	186.781.466	95.421.882
Cty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	64.000.000	64.000.000
Cộng	35.479.639.466	373.921.882
Phải trả:		
Công ty Liên doanh Thủy sản Việt Nga	4.994.824.935	4.994.824.935
Cộng	4.994.824.935	4.994.824.935

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 2 NĂM 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức:		
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	2.081.040.000	3.468.400.000
CTCP Việt Pháp SX thức ăn gia súc Proconco	34.945.058.000	-
Cty Cổ phần Dịch vụ Nuôi trồng Thủy sản Hạ Long	64.000.000	64.000.000
Công ty Cổ phần Thủy sản số 5	277.200.000	207.900.000
Cộng	37.367.298.000	3.740.300.000

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng hoá/dịch vụ:		
Cty Cổ phần Đóng sửa tàu Nhà Bè	5.454.546	5.454.546
Cty Cổ phần Công nghiệp Thủy sản	9.000.000	9.000.000
Cộng	14.454.546	14.454.546

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bán hàng hoá:		
Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long	469.850.857	249.625.127
Cộng	469.850.857	249.625.127

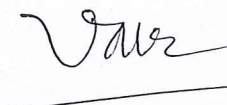
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của người quản lý	1.784.353.000	1.620.578.119
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	138.000.000	138.000.000
Cộng	1.922.353.000	1.758.578.119

7. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Căn cứ quyết định số 109/QĐ-CTHADS ngày 29/06/2023 của Chấp hành viên Nguyễn Thu Nga - Cục Thi hành án Dân sự TP. Hà Nội, ngày 05/07/2023 Eximbank Thuận An (Eximbank Lái Thiêu cũ) gửi Thông báo số 115/CV/2023/EIB-TA về việc khấu trừ tiền trong các tài khoản tiền gửi tiết kiệm (đã bị phong tỏa) của Tổng công ty với số tiền là 29.712.259.193 đồng để thi hành án.



Lê Cao Thủy Linh
Người lập



Vũ Thị Hồng Gấm
Kế toán trưởng




Mai Xuân Phong
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2023

